TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HSST
Ngày: 29 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiêng

2. Ông Hoàng Văn Hán

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Thuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức L**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 19/8/1977 tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Số nhà 168, tổ dân phố 08, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12 phổ thông; Con ông: Lê Văn L (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/9/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 07/3/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã thi hành xong phần án phí, về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng, cho đến lần phạm tội này, bị cáo chưa bồi thường, bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án, không có đề nghị gì đối với bị cáo, nên Bản án này bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Ngày 02/02/2013 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với hình thức cảnh cáo, bị cáo

đã chấp hành xong quyết định xử phạt, nên được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Ngày 20/12/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn là 24 tháng, ngày 23/12/2018, bị cáo chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nên được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 30/01/2023, bị cáo Lê Đức L đi bộ từ nhà tại Tổ dân phố 08, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ xuống bản Xôm, xã Thanh An, huyện Đ để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến đoạn đường gần sân vận động tỉnh Đ thì gặp một người đàn ông lái xe ôm không quen biết, đứng trên vỉa hè, bị cáo thuê người xe ôm trở xuống bản Xôm với giá 50.000đ, đi đến đầu bản Xôm, bị cáo xuống xe đi bộ trên đường vào giữa bản Xôm, bị cáo hỏi mua được 100.000đ ma túy của một người đàn ông không quen biết được 01 gói được gói bên ngoài bằng mảnh giấy trắng, có in chữ màu đen, bên trong gói ma túy. Sau đó bị cáo cho gói ma túy vào túi áo ngực bên trái rồi đi về nhà. Khi bị cáo đi đến khu vực tổ dân phố 6, phường T, thành phố Đ thì bị tổ công tác Công an thành phố Đ phối hợp với công an phường N phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 00 phút, ngày 30/01/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 214A/KL-KTHS ngày 01/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột thể rắn màu trắng đục thu giữ của Lê Đức L gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,12 gam.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS-TPĐBP ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Đức L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Đức L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 14 tháng đến 16 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,07 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh giấy trắng có in chữ màu đen. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 15 giờ 00 phút ngày 30/01/2023, tại khu vực tổ 06, phường T, thành phố Đ, bị cáo Lê Đức L đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,12 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 20 phút ngày 30/01/2023, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 00 phút, ngày 30/01/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 214A/KL-KTHS ngày 01/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi cất giấu trái phép trên người 0,12 gam Heroine của bị cáo mục đích để sử dụng là phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 06/9/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 07/3/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã thi hành xong phần án phí, về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng, cho đến lần phạm tội này, bị cáo chưa bồi thường. Tuy nhiên, bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án, không có đề nghị gì đối với bị cáo, nên bản án này bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Ngày 02/02/2013 bị cáo bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với hình thức cảnh cáo, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt, nên được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Ngày 20/12/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn là 24 tháng, ngày 23/12/2018, bị cáo chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nên được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều

kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lê Đức L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã cất giấu, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của một người đàn ông không quen biết, người đàn ông đi xe ôm trở bị cáo đi mua ma túy, bị cáo cũng không biết họ, tên của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,07 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 mảnh giấy trắng có in chữ màu đen, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS

- Tuyên bố bị cáo Lê Đức L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lê Đức L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (30/01/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,07 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh giấy trắng có in chữ màu đen (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ).*

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/5/2023).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cụcTHADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành